TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 724/2026/DS-PT
Ngày: 25-8-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn;

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 8 và 25 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở 1 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 508/2026/TLPT-DS ngày 22/7/2026 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2026/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1320/2026/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp N, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp E, xã T, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn S, sinh năm 1967. *(Có mặt)*

2.2. Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1968. *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung vụ án theo bản án sơ thẩm:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2025 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phước T trình bày:* Vào ngày 05/3/2025, ông B có cho vợ chồng ông Lê Văn S (ông S và bà Đ) vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), khi vay tiền vợ chồng ông S nói để đáo nợ ngân hàng, hẹn tầm 03 ngày sẽ trả số tiền trên lại cho ông B. Khi cho vay 2 bên có làm biên nhận với nhau (biên nhận ngày 05/3/2025). Tuy nhiên, từ khi vay cho đến nay vợ chồng ông S không trả lại số tiền vay gốc và cũng không đóng tiền lãi cho ông B.

Nay ông B khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông S phải trả lại số tiền vay gốc là 500.000.000đ và tiền lãi từ khi vay cho đến nay theo mức lãi suất là 1,66%/tháng.

Tại phiên tòa, ông T (người đại diện theo ủy quyền của ông B) chỉ yêu cầu vợ chồng ông S trả lại cho ông B số tiền vay gốc, không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị Đ trình bày:* Thừa nhận trước đây vào ngày 24/01/2024, ông S có vay của ông B số tiền là 2.200.000.000đ (Hai tỷ hai trăm triệu đồng). Đến ngày 05/3/2025, vợ chồng ông S (ông S và bà Đ) có vay tiền của ông B với số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), khi vay tiền ông S có ghi biên nhận và vợ chồng ông S cùng ký tên vào biên nhận trên. Ngày 04/3/2025, ông B có khởi kiện ông S để đòi lại số tiền trên. Ngày 13/3/2025, Tòa án có tiến hành hòa giải và ông S đồng ý trả lại cho ông B số tiền vay là 2.050.000.000đ và tiền lãi là 50.000.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 2.100.000.000đ và đã được Tòa án ra Quyết định số 04/2025/QĐCNHGT-DS ngày 31/3/2025. Trong số tiền ông S thừa nhận còn thiếu ông B theo Quyết định số 04/2025/QĐCNHGT-DS ngày 31/3/2025, có số tiền 500.000.000đ mà vợ chồng S nợ ông B theo biên nhận nợ ngày 05/3/2025. Như vậy, việc vợ

chồng ông thiếu tiền ông B đã được Tòa án giải quyết xong và đã được cơ quan Thi hành án thi hành.

Nay ông B cho rằng vợ chồng ông S còn nợ ông B là 500.000.000đ theo biên nhận nợ ngày 05/3/2025 và khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông S trả số tiền trên, vợ chồng ông S không đồng ý, vì đã được Tòa án giải quyết xong.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2026/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Đồng Tháp đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B đối với ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị Đ.

Buộc ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị Đ có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Nguyễn Văn B số tiền vay gốc còn thiếu theo biên nhận ngày 05/3/2025 là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/5/2026, ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị Đ kháng cáo yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2026/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Đồng Tháp. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Phước T trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không thỏa thuận được với bị đơn về việc giải quyết vụ án.

- Ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị Đ trình bày: Vẫn giữ yêu cầu kháng kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ

án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2026/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông S, bà Đ nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thụ lý giải quyết phù hợp khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị Đ kháng cáo yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2026/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Đồng Tháp. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông B yêu cầu vợ chồng ông S, bà Đ phải trả lại số tiền vay gốc là 500.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản chính Biên nhận ngày 05/03/2025 thể hiện chữ ký và chữ viết tên của ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị Đ phía dưới phần chữ người nhận. Ông S, bà Đ thừa nhận có vay của ông B 500.000.000đ, mục đích là đáo hạn Ngân hàng và có ký tên vào biên nhận, nhưng cho rằng số tiền này đã được Tòa án giải quyết bằng Quyết định số 04/2025/QĐCNHGT-DS ngày 31/3/2025. Xét thấy, tại đơn khởi kiện ngày 04/3/2025, ông B yêu cầu cá nhân ông S trả số tiền vay gốc là 2.200.000.000 đồng và tiền lãi là 179.000.000 đồng theo biên nhận ngày 24/01/2024. Căn cứ biên bản ghi nhận kết hòa giải ngày 13/3/2025 thì ông S

đồng ý trả cho ông B số tiền gốc 2.100.000.000 đồng cho biên nhận ngày 24/01/2024, các bên hoàn toàn không đề cập gì đến biên nhận ngày 05/3/2025. Nếu số tiền trên liên quan đến biên nhận ngày 05/3/2025 thì biên bản hòa giải phải có bà Đ tham gia vì bà Đ cùng đứng tên vay cùng với ông S. Tại phiên tòa tòa sơ thẩm ông S trình bày ngày 11/02/2025 ông có trả cho ông B được số tiền 700.000.000 đồng, nhưng ông xác định là trả cho biên nhận ngày 24/01/2024 chứ không phải trả cho biên nhận ngày 05/3/2025 (tài khoản sao kê cũng không ghi rõ nội dung chuyển tiền). Tuy nhiên, sau khi trả 700.000.000 đồng ông S cũng không xác nhận lại nợ với ông B đối với biên nhận ngày 24/01/2024. Mặt khác, ông S cũng xác định biên nhận ngày 05/3/2025 là biên nhận sau cùng và số tiền vay 500.000.000 đồng cho đến nay vợ chồng ông chưa trả cho ông B. Do đó lời trình bày của ông S, bà Đ là có sự mâu thuẫn và không có cơ sở, nên yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông S, bà Đ cũng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh việc đã trả 500.000.000 đồng theo biên nhận 05/3/2025 cho ông B. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông S, bà Đ là không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra tại phiên tòa ông S, bà Đ cho rằng đã trả được cho ông B số tiền 650.000.000 đồng cho khoảng vay 2.200.000.000 đồng. Việc này không liên quan đến vụ án này. Cấp sơ thẩm chưa thụ lý xem xét giải quyết nên cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu có căn cứ cho rằng ông S, bà Đ có giao trả 650.000.000 đồng cho ông B thì tách ra thành vụ việc khác khi có yêu cầu.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của ông S, bà Đ là không có căn cứ chấp nhận, nên giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2026/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Đồng Tháp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông S, bà Đ không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2026/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B đối với ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị Đ.

Buộc ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị Đ có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Nguyễn Văn B số tiền vay gốc còn thiếu theo biên nhận ngày 05/3/2025 là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị Đ phải chịu 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn B được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.830.000đ (Mười hai triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007611 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị Đ mỗi người phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông S, bà Đ mỗi người đã nộp

300.000 đồng theo biên lai thu số 0008511 ngày 25/5/2026 và biên lai thu số 0010712 ngày 23/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KT - TT & THA TAND Tỉnh;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 11 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực 11 - Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu: VT, THC, HSVA (Quốc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Kiến